

# HIỆN TƯỢNG DANH HÓA ĐỘNG TỪ VÀ TÍNH TỪ TRONG TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG LÀO.

TRỊNH ĐỨC HIỂN

1-Khác với các ngôn ngữ Ấn Âu, tiếng Việt và các ngôn ngữ cùng loại hình như tiếng Lào, tiếng Thái, tiếng Hán... là các ngôn ngữ không biến đổi hình thái. Do đặc điểm không biến đổi hình thái này mà việc xác định các từ loại nói chung và danh từ nói riêng trong tiếng Việt cũng như tiếng Lào... không phải khi nào cũng dễ dàng. Chẳng hạn, từ "thắng lợi" trong tiếng Việt vừa là danh từ (*thắng lợi* đó rất vĩ đại), vừa là động từ (chúng ta đã *thắng lợi* trong vụ mùa vừa qua), vừa là tính từ (họ đã hoàn thành rất *thắng lợi* nhiệm vụ của mình). Tuy vậy, việc xác định từ loại của từ "thắng lợi" có thể thực hiện được dễ dàng, chính xác khi đặt nó trong câu với khả năng kết hợp với các từ khác và chức năng cú pháp mà nó đảm nhiệm.

Trong tiếng Việt, các nhà Việt ngữ cho rằng đây là "hiện tượng về những từ cùng gốc, cùng hình thức ngữ âm mà có thể dùng theo từ loại khác nhau" (1).

Đây là một trường hợp của vấn đề chuyển loại trong tiếng Việt.

Bài viết này đề cập đến một trường hợp khác của vấn đề chuyển loại. Đó là hiện tượng danh hóa các động từ và tính từ trong tiếng Việt (trong sự so sánh với tiếng Lào).

2.1-Trong tiếng Việt, khi muốn biến động từ thành danh từ có cách thêm trước động từ đó một yếu tố khác (chúng tôi gọi là *yếu tố danh hóa*) như: "cái, việc, sự, vé, cuộc, nỗi, niềm...". Chẳng hạn: cái lo, cái buồn; việc học, việc thi cử; sự làm, sự ăn; vé lo âu, vé suy nghĩ; cuộc chiến đấu, cuộc đấu tranh; nỗi dằn vặt, nỗi tức giận; niềm tin, niềm hy vọng, niềm thương nhớ..

Các tính từ cũng có khả năng kết hợp với các yếu tố danh hóa như: cái đẹp, cái bi, cái hùng; nỗi vất vả, nỗi gian truân; sự gian khổ, sự lạc hậu, vé đẹp, vé lịch thiệp, vé trang trọng; niềm hạnh phúc, niềm hân hoan; cuộc vui; việc nhân nghĩa...

Tuy vậy mức độ ngữ pháp hóa của các yếu tố này không đều nhau. Có yếu tố trong mức độ nào đó đã gắn với phụ tố cấu tạo từ (như trường hợp của "sự"), nhưng có những yếu tố khác lại còn giữ lại nhiều đặc điểm của một thực từ riêng (như trường hợp của "việc", "nỗi", "niềm", ...). (2)

Trong tiếng Lào, tình hình có khác.

Về số lượng, chỉ có hai yếu tố tham gia kết hợp với động từ và tính từ là *kan* và *khoam*. Đây là 2 yếu tố vay mượn từ tiếng Sanskrit và đều có nghĩa là "sự, việc". Khi vào tiếng Lào, những yếu tố này đã phát huy mạnh mẽ vai trò của chúng trong việc danh hóa

(1) Ngữ pháp tiếng Việt NXB khoa học xã hội, H, 1983, tr. 92.

(2) Đinh Văn Đức Ngữ pháp tiếng Việt (từ loại). NXB Đại học và THCN, H, 1986, tr.47.

các động từ và tính từ. Tuy nhiên, vai trò và khả năng kết hợp của 2 yếu tố này cũng khác nhau.

a) Về yếu tố kan:

+ Có khả năng kết hợp với động từ.

Ví dụ: kan lạ lai "sự tiêu hóa" (lạ lai "tiêu hóa").

kan khùm khoong "sự quản lý" (khùm khoong "quản lý").

kan chệc dai "sự phân phối" (chệc dai "phân phối").

+ Không có khả năng kết hợp với tính từ.

+ Có khả năng kết hợp với danh từ để tạo ra một danh từ khác có tính khái quát hơn.

Ví dụ: kan ngan "công việc, công tác" (ngan "công việc").

kan ngân "tài chính" (ngân "tiền")

kan mương "chính trị" (mương "xứ, huyện").

Như vậy trong tiếng Lào yếu tố *kan* còn giữ lại nhiều đặc điểm của 1 thực từ. Hơn nữa, có trường hợp *kan* còn được dùng độc lập như 1 từ.

Ví dụ:

- *Kan* thỉ phũa mia phuộc chạu khỏ dà hạng kăn nặn mần mèn khoam sạ mấc ch như kăn káp về lạ thỉ phuộc chạu khỏ chột biên sỏm lỏt nay khao nặn... mèn bờ?

Việc vợ chồng anh xin ly dị nhau là sự tự nguyện như khi vợ chồng anh xin đăng trước đây... phải không?

(Báo Phụ nữ Lào, số 119, tháng 2/1990)

- *kan* thỉ phắc hau hệt neo nặn kò mèn thực káp sạ phạp tua ching thẹ.

Việc Đảng ta làm như vậy là đúng với tình hình thực tế.

(Báo Paxaxôn, số 4449, ngày 19/3/1990).

Một điều đáng chú ý là đằng sau từ *kan* dùng độc lập trong tiếng Lào bao giờ cũ có từ *thi* "mà" để nối giữa *kan* với mệnh đề làm chức năng định ngữ ở phía sau. Còn trong tiếng Việt thì có thể dùng "mà" hoặc không dùng "mà" tùy từng trường hợp cụ thể.

b) Về yếu tố khoam:

+ Có khả năng kết hợp với động từ.

Ví dụ: khoam hắc "tình yêu" (hắc "yêu")

khoam xừ thừ "sự tin tưởng" (xừ thừ "tin tưởng").

khoam đăn "sự đẩy, áp suất" (đăn "đẩy")...

+ Có khả năng kết hợp với tính từ.

Ví dụ: khoam ngam "vẻ đẹp, sắc đẹp" (ngam "đẹp").

khoam muôn xừn "sự vui sướng" (muôn xừn "vui sướng")

khoam hợn "độ, nhiệt độ" (hợn "nóng")/...

Trong tiếng Lào, yếu tố *khoam* giữ vai trò chủ đạo trong việc danh hóa các động từ và tính từ, trở thành một yếu tố cấu tạo từ có sức sản sinh cao để cấu tạo các thuật ngữ khoa học. Khác với yếu tố *kan*, *khoam* không có khả năng dùng độc lập như 1 từ.

Ngoài những động từ chỉ có thể kết hợp với *kan* hoặc *khoam*, trong tiếng Lào cũng có 1 số động từ vừa có thể kết hợp với *kan*, vừa có thể kết hợp với *khoam*.

Ví dụ: - pên dù "sinh sống".

Có thể nói: *kan* pên dù "sự sinh sống, cuộc sống".

Cũng có thể nói: *khoam* pên dù "sự sinh sống, cuộc sống".  
- hụ "biết, hiểu, nhận thức".

Có thể nói: *kan* hụ "sự hiểu biết, kiến thức, tri thức".

Cũng có thể nói: *khoam* hụ "sự hiểu biết, kiến thức, tri thức".

Tuy nhiên những động từ như trên có rất ít trong tiếng Lào. Trong khi đó một từ của tiếng Việt lại có thể kết hợp với nhiều yếu tố danh hóa khác nhau.

Ví dụ: -vui sướng: *nổi* vui sướng, *niềm* vui sướng,  
*sự* vui sướng, *vẻ* vui sướng...

-buồn phiền: *nổi* buồn phiền, *cái* buồn phiền,  
*sự* buồn phiền, *vẻ* buồn phiền...

2.2.-Như đã nói ở mục (1) là trong tiếng Việt có một số danh từ có cùng hình thức ngữ âm với động từ. Những danh từ này khi hoạt động trong câu không cần có thêm một yếu tố khác đi kèm để xác định về từ loại của chúng, có nghĩa là không có các yếu tố danh hóa như "sự, cuộc, nỗi, niềm..." ở phía trước. Những danh từ này là những từ có 2 âm tiết như: quyết định, đòi hỏi, yêu cầu, cảm nghĩ, tính toán, đàn vật, lo lắng, ngắm nghĩ...

Nhưng, nếu ở tiếng Việt những danh từ kiểu này khá nhiều và đang có xu hướng mở rộng thì trong tiếng Lào hầu như các động từ khi chuyển sang danh từ phải có yếu tố danh hóa *kan* hoặc *khoam* ở trước.

So sánh:	Tiếng Việt	Tiếng Lào.
	- tổ chức (động từ)	<i>chât tạng</i> (động từ)
	tổ chức (danh từ)	<i>kan chât tạng</i> (danh từ)
	- quan hệ (động từ)	<i>phua phăn</i> (động từ)
	quan hệ (danh từ)	<i>kan phua phăn</i> (danh từ)
	- hoạt động (động từ)	<i>khườn vây</i> (động từ)
	hoạt động (danh từ)	<i>kan khườn vây</i> (danh từ)

Trường hợp các tính từ cũng tương tự. Trong tiếng Việt có một số tính từ 2 âm tiết có thể dùng thành danh từ trừu tượng như: thuận lợi, vất vả, khó khăn, gian khổ...

Ví dụ: (1) Cuộc sống của họ rất *khó khăn* (tính từ)

(2) Cuộc sống của họ có nhiều *khó khăn* (danh từ).

Ở ví dụ (2) *khó khăn* là danh từ và trước nó không cần thêm các yếu tố danh hóa như "sự, cuộc, nỗi, niềm"... ngược lại, trong tiếng Lào khi dùng từ *nhụng nhạc* (với nghĩa là "khó khăn") như một danh từ thì bắt buộc phải có yếu tố *khoam* vào trước *nhụng nhạc* thành *khoam nhụng nhạc* (nghĩa là "sự khó khăn, nỗi khó khăn, cái khó khăn").

Đối với các tính từ khác trong tiếng Lào cũng vậy.

Đây là điểm khác nhau căn bản đáng chú ý giữa tiếng Việt và tiếng Lào.

3) Trở lên là một số đặc điểm về hiện tượng danh hóa các động từ và tính từ trong tiếng Việt và tiếng Lào. Những dẫn liệu và phân tích, so sánh trên đây cho thấy về nguyên tắc, yêu cầu và phương thức thì hiện tượng danh hóa động từ và tính từ trong tiếng Việt và tiếng Lào có nhiều điểm giống nhau. Điều này xuất phát từ chỗ tiếng Việt, tiếng Lào cũng như các ngôn ngữ khác ở khu vực Đông Nam Á là các ngôn ngữ không biến hình, khác với các ngôn ngữ Ấn-Âu. Tuy nhiên về số lượng, khả năng và mức độ của các yếu tố này trong quá trình danh hóa các động từ và tính từ trong 2 ngôn ngữ Việt, Lào cũng có những nét khác nhau.

Vì vậy việc tìm hiểu, nghiên cứu hiện tượng danh hóa này thiết nghĩ cũng giúp ích phần nào cho những người dạy và học tiếng Việt và tiếng Lào có một sự so sánh để hiểu biết đầy đủ hơn, sử dụng chính xác, thích hợp trong khi nói và viết hai ngôn ngữ này./.

---

## **QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH MỘT PHÁT NGÔN (LỜI NÓI) dưới góc độ tâm lý - ngôn ngữ và phương pháp dạy**

**Đình Thanh Huệ**

1/ Quá trình hình thành một phát ngôn - ngoại ngữ thực chất là một quá trình giải mã - lập mã, hay còn gọi là quá trình "chập đôi", đối với người học ngoại ngữ, đó là quá trình cảm nhận - sản sinh.

Một phát ngôn thường được hình thành trên cơ sở tâm sinh lý của người nói trong hoàn cảnh giao tiếp cụ thể và khả năng xác lập một phương thức chuyển tải nội dung phát ngôn đó của người nói. Như vậy, dưới góc độ thực thành tiếng, một phát ngôn *dùng, chuẩn* khi nó kết hợp được 2 yếu tố : CÁI ĐÚNG và CÁI THÍCH HỢP.

CÁI ĐÚNG được hiểu như là những quy tắc, mẹo luật của một hệ thống ngôn ngữ mà người học đang quan tâm. CÁI THÍCH HỢP được hiểu là những yếu tố siêu ngôn ngữ (tâm lý người nói, tình huống giao tiếp...) trong hoàn cảnh nói năng cụ thể.